

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới và
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Việc làm
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ tại Nghị định số 352/2025/NĐ-CP lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 14/TTr-SNV ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính ban hành mới và 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ theo Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, PVHCC^{KSTT}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (05 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 04/QĐ-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ									
1	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 2.002824.H21	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không	- Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x
2	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 2.002825.H21	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không	- Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
		doanh nghiệp; thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm; thay đổi địa chỉ trụ sở chính thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp Giấy phép; Giấy phép bị ghi sai thông tin, bị hư hỏng không còn sử dụng được hoặc không xác thực được; Giấy phép bị mất. - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thay đổi địa chỉ							

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
		trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp Giấy phép							
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 2.002826.H21	03 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không	- Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x
4	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 2.002827.H21	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm theo đề nghị của doanh nghiệp; doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không	- Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC								
		ngành; doanh nghiệp bị giải thể, phá sản.							
5	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 2.002828.H21	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Toàn trình	Không	- Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.	Cấp tỉnh	x
Tổng cộng: 05 TTHC									

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (05 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Mã số TTHC			
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 4/QĐ-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ				
1	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001865.000.00.00.H21	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ
2	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Mã số TTHC			
	1.001853.000.00.00.H21			
3	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm \	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ
	1.001823.000.00.00.H21			
4	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ
	1.009873.000.00.00.H21			
5	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Toàn trình	Cấp tỉnh	Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ
	1.009874.000.00.00.H21			
Tổng cộng: 05 TTHC				